

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ RIỀNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 20/9/2018

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Đinh Thị Hải**

*Các Hội thẩm nhân dân:* **Ông Nguyễn Duy Khải**

**Ông Phạm Văn Khuyến**

- ***Thư ký phiên tòa:*** **Ông Chu Ngọc Phú** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:*** **Ông Ngô Văn Phương**- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 288/2018/TLST - HNGĐ ngày 28/5/2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 22/8/2018 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* **Bà Nguyễn Thị H**, sinh năm 1992. Có mặt

*Bị đơn:* **Ông Đinh Công S**, sinh năm 1989. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Đinh Công S xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước vào năm 2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, đôi khi còn đánh nhau. Từ tháng 12/2012, ông S phải chấp hành án tại phân trại K1, đội 8, trại giam T do phạm tội “Cướp tài sản”, hình phạt 11 năm tù. Trong quá trình ông S phải thi hành án, do có mâu thuẫn với gia đình nhà chồng nên bà H đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở. Bà H có nhiều lần đến thăm ông S nhưng mỗi lần gặp nhau ông S đều chửi mắng bà do ông S nghe lời gia

đình khiến cho bà H rất chán nản. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông S.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, bà H và ông S có 01 người con chung là cháu Đinh Minh T, sinh ngày 13/02/2010. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi con chung cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Không có không yêu cầu giải quyết

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có nên không yêu cầu giải quyết

**\* Bị đơn ông Đinh Công S trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông và bà Nguyễn Thị H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước vào năm 2009.

Nguyên nhân bà H làm đơn ly hôn với ông là do bà H muốn lập gia đình mới vì hiện nay ông S đang chấp hành án tại trại giam T. Ông cho rằng cuộc sống chung vợ chồng không có mâu thuẫn, vợ chồng vẫn hạnh phúc nên ông không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống có 01 người con chung là cháu Đinh Minh T, sinh ngày 13/02/2010. Khi ly hôn, ông đồng ý để bà H được nuôi con chung cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ông S có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt. Do đó, Tòa án không thể tiến hành thủ tục hòa giải đối với ông S và bà H theo quy định của pháp luật.

**\* Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**1. Về tố tụng:**

Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn bà Nguyễn Thị H làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Đinh Công S theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35,

điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn ông S có nơi cư trú tại xã L, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Riềng. Bị đơn ông S vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông S.

*2. Về nội dung:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Công S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước vào năm 2009. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng: Bà H trình bày vợ chồng có mâu thuẫn từ trước khi ông S phải đi chấp hành án. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra gây gổ, cãi vã nhau. Tuy nhiên, ông S không thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng, ông S cho rằng cuộc sống chung vợ chồng vẫn hạnh phúc, vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù bà H và ông S trình bày quan điểm về quan hệ hôn nhân mâu thuẫn nhau nhưng do ông S phải chấp hành án tại Trại giam Tổng Lê Chân với thời hạn 11 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Việc ông S phải chấp hành án với thời gian dài, dẫn đến vợ chồng không thể chung sống với nhau, không thể cùng nhau xây dựng kinh tế gia đình, cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy con cái. Do đó, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà H với ông S là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Về con chung:* Trong quá trình chung sống có 01 người con chung là cháu Đinh Minh T, sinh ngày 13/02/2010. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi con chung cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, ông S đồng ý để cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm về con chung của bà H, ông S là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Mặt khác, ông S đang phải chấp hành án nên không thể có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi dưỡng con chung của bà H và ông S, giao con chung Đinh Minh T cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là phù hợp.

*Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Không có không yêu cầu giải quyết.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39;

khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

*Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Đinh Công S

2/ *Về con chung:* Giao con chung là cháu Đinh Minh T, sinh ngày 13/02/2010 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các vấn đề khác các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 026452 ngày 28/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- VKSND H. Phú Riềng;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Phú Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Đinh Thị Hải**

